

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cảnh báo học tập sinh viên hình thức đào tạo đại học chính quy
học kỳ 2 năm học 2022 - 2023**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Tp.HCM;

Căn cứ Quyết định số 262/ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Tp. HCM ban hành về Quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-ĐHKTL ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Tp. HCM ban hành về Quy chế đào tạo đại học;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-ĐHKTL ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Tp. HCM ban hành về Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ kết quả học tập học kỳ 2 năm học 2022 - 2023 của sinh viên và Biên bản số 574/BB-ĐHKTL ngày 27/9/2023 về việc họp xét xử lý học vụ trình độ đại học học kỳ 2 năm học 2022-2023;

Theo đề nghị của Lãnh đạo phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cảnh báo học tập 57 sinh viên hệ đại học chính quy (danh sách đính kèm). Thời gian cảnh báo học tập kéo dài trong 01 học kỳ chính tiếp theo (HK1 năm học 2023 - 2024).

Điều 2. Văn bản có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các Phòng, Khoa có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, PDT. 




Hoàng Công Gia Khánh



**DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN CẢNH BÁO HỌC TẬP
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022 - 2023**

(Đính kèm Quyết định số 171/QĐ-DHKTŁ ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Luật)

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	LÝ DO	Nợ học phí học kỳ 2 năm học 2022-2023	GHI CHÚ
1	K194030351	Đoàn Khánh	Duy	31/05/2001	K19403C	Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí	-	Hạ bậc xử lý học vụ
2	K194050642	Nguyễn Diệp Thy	Na	04/08/2001	K19405	Tự ý bỏ học; Không có điểm TB cần xét	-	Hạ bậc xử lý học vụ
3	K194050651	Kim Xuân	Nguyệt	21/11/2000	K19405	Tự ý bỏ học; Không có điểm TB cần xét	-	Hạ bậc xử lý học vụ
4	K194050743	Đỗ Thùy	Dương	09/01/2001	K19405CA	Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí	-	Hạ bậc xử lý học vụ
5	K194060774	Hoàng Kim	Cường	20/09/2000	K19406	Không hoàn thành học phí	3,868,800	
6	K194070885	Nguyễn Lê Thiên	Án	15/07/2001	K19407	Không hoàn thành học phí	2,529,600	
7	K194070964	Trương Đình	Đăng	24/08/2001	K19407C	SV bị cảnh báo HV 2 lần liên tiếp; SV bị CBHV (HK02 NH: 2022-2023), Không hoàn thành học phí	18,065,000	
8	K194070972	Lê Quốc	Hoàng	06/08/2001	K19407C	Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí	2,500,000	
9	K194071045	Nguyễn Hà Mỹ	Xuân	20/01/2001	K19407CA	Không hoàn thành học phí	19,500,000	
10	K194111518	Trương Minh	Anh	31/01/2001	K19411	Tự ý bỏ học	-	Hạ bậc xử lý học vụ
11	K194111586	Phạm Minh	Trọng	06/12/2001	K19411	Không hoàn thành học phí	2,455,200	
12	K194111622	Đỗ Vũ Thanh	Phương	06/12/2001	K19411C	Không hoàn thành học phí	15,500,000	
13	K195011869	Trần Thị Phúc	Như	27/01/2001	K19501	Không hoàn thành học phí	5,840,400	
14	K195032128	Huỳnh Thị Ánh	Nguyệt	27/10/2001	K19503	Không hoàn thành học phí	4,873,200	
15	K195032155	Lê Trung	Tín	15/03/2001	K19503	Không hoàn thành học phí	5,753,200	
16	K195032178	Đỗ Trương Quốc	Huy	02/12/2001	K19503C	Không hoàn thành học phí	16,616,000	
17	K195042259	Nguyễn Ngọc	Thảo	20/06/2000	K19504	Không hoàn thành học phí	4,017,600	
18	K195042263	Phạm Hoàng	Thơ	31/07/2001	K19504	Không hoàn thành học phí	5,617,200	
19	K195042288	Ngô Nguyên	Khoa	11/08/2001	K19504C	Tự ý bỏ học	-	Hạ bậc xử lý học vụ
20	K204010007	Nguyễn Phương	Nhi	19/09/2002	K20401	Tự ý bỏ học; SV bị CBHV (HK02 NH: 2022-2023), SV bị CBHV (HK01 NH: 2022-2023)	-	Hạ bậc xử lý học vụ
21	K204010923	Lý Thục	Hiền	23/05/2002	K20401C	Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí	13,900,000	Hạ bậc xử lý học vụ
22	K204030162	Trần Huỳnh Phi	Yến	24/08/2002	K20403	Không hoàn thành học phí	5,841,000	
23	K204070361	Phạm Trung	Hiếu	15/09/2001	K20407CA	Tự ý bỏ học; SV bị CBHV (HK02 NH: 2022-2023), SV bị CBHV (HK01 NH: 2022-2023), Không hoàn thành học phí	-	Hạ bậc xử lý học vụ
24	K204080435	Trần Đình	Hưng	17/04/2002	K20408CA	Không hoàn thành học phí	1,710,000	
25	K204100544	Võ Hoàng Diệu	Linh	25/09/2001	K20410C	Không hoàn thành học phí	13,900,000	
26	K204110604	Võ Hoàng	Nhiên	20/05/2002	K20411C	Tự ý bỏ học	-	Hạ bậc xử lý học vụ



STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	LÝ DO	Nợ học phí học kỳ 2 năm học 2022-2023	GHI CHÚ
27	K204131833	Phan Anh	Minh	05/08/2002	K20413	Không hoàn thành học phí	9,507,600	
28	K205020776	Nguyễn Ngọc	Hoàng	09/08/2002	K20502C	Không hoàn thành học phí	5,200,000	
29	K214010016	Lê Quốc	Hưng	26/05/2003	K21401	Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí	-	Hạ bậc xử lý học vụ
30	K214020105	Kiều Minh	Trí	12/07/2003	K21402	2 HK liên tiếp dưới 4	-	
31	K214031541	Hồ Ngọc	Sang	21/04/2003	K21403	2 HK liên tiếp dưới 4	-	
32	K214030209	Thành Thị Hồng	Tép	05/10/2001	K21403	SV bị cảnh báo HV 2 lần liên tiếp; SV bị CBHV (HK01 NH: 2022-2023), 2 HK liên tiếp dưới 4	-	Hạ bậc xử lý học vụ
33	K214031549	Nguyễn Quốc	Tiến	03/03/2003	K21403	2 HK liên tiếp dưới 4	-	
34	K214040244	Nguyễn Xuân	Huy	06/07/2003	K21404A	Tự ý bỏ học	-	Hạ bậc xử lý học vụ
35	K214050372	Nguyễn Công Phúc	Tân	08/09/1998	K21405C	2 HK liên tiếp dưới 4	-	
36	K214051710	Phạm Ngọc	Đinh	27/10/2003	K21405CA	2 HK liên tiếp dưới 4	-	
37	K214060446	Võ Hồng Cẩm	Tú	25/12/2003	K21406C	2 HK liên tiếp dưới 4	-	
38	K214071805	Lê Võ Chính	Trung	03/03/2003	K21407C	Không hoàn thành học phí	9,700,000	
39	K214071816	Hà Trọng	Nhân	23/12/2003	K21407CA	2 HK liên tiếp dưới 4	-	
40	K214110859	Trần Đức Anh	Duy	05/12/2003	K21411CA	2 HK liên tiếp dưới 4	-	
41	K214132039	Đặng Tiến	Phúc	20/10/2003	K21413CA	Không hoàn thành học phí	9,402,000	
42	K214150971	Phan Tuấn	Kiệt	20/08/2003	K21415	SV bị cảnh báo HV 2 lần liên tiếp; SV bị CBHV (HK01 NH: 2022-2023), Không hoàn thành học phí	-	Hạ bậc xử lý học vụ
43	K214160994	Chung Bảo	Phú	16/06/2003	K21416C	Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí	-	Hạ bậc xử lý học vụ
44	K215012186	Bùi Minh	Hải	30/01/2003	K21501C	Tự ý bỏ học; SV bị CBHV (HK02 NH: 2022-2023), Không hoàn thành học phí	15,960,000	Hạ bậc xử lý học vụ
45	K215042390	Lê Thị Kim	Chi	16/04/2003	K21504CP	Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí	15,960,000	Hạ bậc xử lý học vụ
46	K224010027	Bùi Hoàng Thảo	Linh	25/03/2004	K22401	Không hoàn thành học phí	10,725,000	
47	K224010028	Cao Phương	Linh	30/08/2004	K22401	Không hoàn thành học phí	10,775,000	
48	K224030445	Vũ Anh	Quân	24/03/2004	K22403C	Không hoàn thành học phí	16,850,000	
49	K224050654	Cao Phúc	Minh	14/11/2004	K22405	Không hoàn thành học phí	10,725,000	
50	K224050679	H	Trang	08/03/2004	K22405	Tự ý bỏ học; Không hoàn thành học phí	10,725,000	Hạ bậc xử lý học vụ
51	K224070946	Nguyễn Hùng	Phong	19/05/2004	K22407C	Có HK dưới 1	-	
52	K224131571	Nguyễn Văn	Vũ	03/11/2004	K22413	Có HK dưới 1	-	
53	K224131643	Hồ Thành	Thông	28/02/2004	K22413CA	Không hoàn thành học phí	25,465,000	
54	K225022047	Bùi Minh	Khang	04/06/2004	K22502CA	Không hoàn thành học phí	27,495,000	
55	K225022048	Hoàng Trọng	Khang	04/12/2004	K22502CA	Không hoàn thành học phí	1,694,000	
56	K225042219	Bùi Phạm Khánh	Ngân	31/08/2004	K22504	Không hoàn thành học phí	10,725,000	
57	K205042285	Danh Vương Trúc	Lam	30/07/2002	K20504CP	SV bị cảnh báo HV 2 lần liên tiếp; SV bị CBHV (HK01 NH: 2022-2023), SV bị CBHV (HK02 NH: 2021-2022), Không hoàn thành học phí	20,810,000	Hạ bậc xử lý học vụ